TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO L** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2023/HNGĐ- ST
Ngày : 04- 5- 2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L *tham gia phiên tòa*: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 330/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Xuân Tiến D,** sinh năm 1981
Địa chỉ: Tổ 09, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ 09, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Đoàn Xuân Tiến D có mặt, Bà Nguyễn Thị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đoàn Xuân Tiến D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/01/2011. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng nhau về quan điểm sống, nhất là kinh tế gia đình. Bà T đã bỏ nhà đi từ ngày 22/ 01/2020 cho đến nay, mặc dù ông D đã tìm kiếm bà T ở nhiều nơi nhưng không thấy. Tại

quyết định số 06/2022/QĐST-VDS ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo L đã tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích kể từ ngày 22/01/2022. Do vậy ông D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung là Đoàn Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/12/2012. Hiện nay cháu Đoàn Nguyễn Bảo C do ông Đoàn Xuân Tiến D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ly hôn ông Đoàn Xuân Tiến D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Đoàn Xuân Tiến D không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bảo L đã triệp tập hợp lệ bà Nguyễn Thị T nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện của ông Đoàn Xuân Tiến D nhưng bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/3/2023 nhưng không được do bà Nguyễn Thị T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T được ly hôn. Về con chung cần giao 01 con chung là Đoàn Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/12/2012 cho ông Đoàn Xuân Tiến D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Ông Đoàn Xuân Tiến D yêu cầu giải quyết về ly hôn, con chung với bà Nguyễn Thị T, có địa chỉ tại Tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35,

Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

III. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/01/2011. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng nhau về quan điểm sống, nhất là kinh tế gia đình. Bà T đã bỏ nhà đi từ ngày 22/ 01/2020 cho đến nay, mặc dù ông D đã tìm kiếm bà T ở nhiều nơi nhưng không thấy. Tại quyết định số 06/2022/QĐST-VDS ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo L đã tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích kể từ ngày 22/01/2022. Do vậy ông D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Nguyễn Thị T không có mặt nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa ông Đoàn Xuân Tiến D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn bà Nguyễn Thị T cho đến hiện nay không có ý kiến gì về việc giải quyết ly hôn cũng như không có mặt để làm việc và trình bày về thiện chí hòa giải. Qua xác minh tình trạng hôn nhân thì vợ chồng ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T đã không chung sống cùng nhau từ năm 2020 cho đến nay, bà T bỏ nhà đi mà ông D không có thông tin và tin tức gì, cũng không liên lạc được. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không liên lạc với nhau, không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của ông Đoàn Xuân Tiến D, căn cứ vào giấy khai sinh ông Đoàn Xuân Tiến D nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T có 01 người con chung tên là Đoàn Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/12/2012. Quá trình bà T bỏ nhà đi thì ông Đoàn Xuân Tiến D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Nguyễn Bảo C. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì cháu Đoàn Nguyễn Bảo C phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần, cháu C có nguyện vọng được ở với bố. Bên cạnh đó, ông Đoàn Xuân Tiến D có việc làm, có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của ông Đoàn Xuân Tiến D là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung là Đoàn Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/12/2012 cho ông Đoàn Xuân Tiến D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dường nuôi con chung: Ông Đoàn Xuân Tiến D không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

{3} Về tài sản chung: Ông Đoàn Xuân Tiến D trình bày quá trình chung sống ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} Về nợ chung: Ông Đoàn Xuân Tiến D trình bày quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Thị T không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc ông Đoàn Xuân Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Xuân Tiến D đối với bà Nguyễn Thị T về việc *"Xin ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đoàn Xuân Tiến D và bà Nguyễn Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Đoàn Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/12/2012 cho ông Đoàn Xuân Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

"Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

3. Về án phí: Buộc ông Đoàn Xuân Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Đoàn Xuân Tiến D đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012605 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND thị trấn Lộc Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà Vi